

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA

THE FACTORS AND THE EXTENT OF THEIR INFLUENCE TO QUALITY OF ACCOUNTING INFORMATION SYSTEM OF TOURISM ENTERPRISES IN KHANH HOA PROVINCE

Lê Thị Ngọc Thiện
Khoa Du Lịch, Đại học Khánh Hòa

Tóm tắt:

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu, xác định các nhân tố và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán của các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, tác giả sau khi sơ lược lý thuyết và những nghiên cứu đã thực hiện, tiến hành trao đổi, thảo luận chuyên gia nhằm xác định các nhân tố tác động đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán. Tổng số phiếu khảo sát phát ra là 200 phiếu được phát ngẫu nhiên cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 4 nhân tố trong 5 nhân tố được đề xuất trong mô hình nghiên cứu có tác động đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán của các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo mức độ tác động từ cao đến thấp là: Chuyên gia bên ngoài, Sự hỗ trợ của nhà Quản trị cấp cao, Trình độ nhân viên kế toán, và Mức độ trang bị CNTT. Dựa trên kết quả đạt được tác giả đưa ra những gợi ý về hàm ý chính sách nhằm nâng cao chất lượng hệ thống thông tin kế toán của các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Từ khóa: Nhân tố ảnh hưởng, hệ thống thông tin kế toán, doanh nghiệp du lịch

Abstract:

This study was conducted to understand and identify the factors and the extent of their influence to quality of accounting information system of tourism enterprises in Khanh Hoa province. In order to achieve the research objectives, the author, after briefly summarizing the theory and the previous studies, the author conducted an exchange and discussion with experts to determine the factors affecting the quality of accounting information systems. A total of 250 questionnaires were distributed randomly to the tourism business in Khanh Hoa province. The research results show that there are 4 factors out of 5 factors proposed in the research model that have an impact on the quality of the accounting information system of tourism businesses in Khanh Hoa province according to the level of impact prioritized as follow: Outside expert, Support from senior management, Accountant qualification, and Level of IT equipment. Based on the obtained results, the author gives suggestions on policy implications to improve the quality of accounting information system of tourism enterprises in Khanh Hoa province

Keywords: Influential factors, accounting information systems, tourism businesses

JEL Classifications: M40, M41, M49

DOI: <https://doi.org/10.59006/vnfa-jaa.07202321>

1. Đặt vấn đề:

Khánh Hòa là một tỉnh có tiềm năng rất lớn để phát triển du lịch với đường bờ biển rất đẹp kéo dài khoảng 385 km với nhiều vịnh lớn là Vân Phong, Nha Trang, Cam Ranh

cùng khoảng 200 đảo lớn, nhỏ ven bờ và điểm cực đông- mũi Hòn Đồi trên đất liền của Tổ quốc. Không những thế, Khánh Hòa còn có điều kiện thiên nhiên đa dạng, phong phú, nhiều danh lam thắng cảnh, truyền thống văn hóa lâu đời với nhiều lễ hội, phong tục tập quán tốt đẹp và độc đáo, nhiều di tích lịch sử, tôn giáo, kiến trúc nghệ thuật đặc sắc. Điều này đã giúp đưa Khánh Hòa ngày một phát triển mạnh mẽ về Ngành du lịch, ngày càng khẳng định được thương hiệu và uy tín của mình trong mắt du khách trong và ngoài nước.

Hiện thu nhập từ du lịch của Khánh Hòa chủ yếu từ hoạt động kinh doanh lưu trú và dịch vụ ăn uống, tỷ lệ dao động từ 50 - 55%. Thu nhập từ hoạt động vui chơi giải trí và mua sắm chỉ chiếm từ 25 - 30% và không thay đổi nhiều trong các năm qua. Tính đến năm 2021 toàn tỉnh có 1.113 cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch, trong đó có 125 cơ sở lưu trú quy mô 4-5 sao; có 138 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành, trong đó có 118 doanh nghiệp lữ hành quốc tế với hơn 380 tuyến xe cố định, 1.300 xe hợp đồng các loại và hơn 700 phương tiện thủy nội địa phục vụ khách du lịch, đáp ứng cơ bản nhu cầu đi lại của du khách. Cùng với bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu sắc, toàn diện, các doanh nghiệp du lịch hiện đang phải đối mặt với rất nhiều những thách thức, trong đó sự cạnh tranh không chỉ đến từ các doanh nghiệp trong tỉnh mà còn đến từ các doanh nghiệp, tập đoàn lớn của khu vực và trên thế giới. Để có thể vượt qua các thách thức, đòi hỏi doanh nghiệp phải nỗ lực cải tiến mọi mặt của hoạt động kinh doanh, trong đó việc hoàn thiện tổ chức Hệ thống thông tin kế toán (HTTTKT) là cần thiết, đơn vị sẽ mất đi cơ hội để đạt được lợi thế cạnh tranh khi họ cung cấp HTTTKT kém chất lượng, điều này dẫn đến hệ lụy là sẽ làm cho những người sử dụng đưa ra những phán đoán hoặc dự báo thông tin bị sai lệch (Baltzan, 2012). Thực tế cho thấy, HTTTKT trong các doanh nghiệp du lịch tại tỉnh Khánh Hòa vẫn còn một số hạn chế, đặc biệt là các doanh nghiệp du lịch có vốn đầu tư trong nước. Việc tổ chức HTTTKT vẫn chỉ tập trung vào cung cấp thông tin kế toán tài chính và kế toán thuế mà chưa chú trọng đến vai trò phân tích, tư vấn thông tin cũng như hỗ trợ kiểm soát trong hoạt động của doanh nghiệp đến các cấp quản trị. Nguyên nhân của tình trạng này là một phần từ phía nhà quản trị khi chưa đánh giá cao vai trò của hệ thống kế toán, sự hạn chế kinh phí trong việc phân bổ cho hệ thống kế toán và từ phía bộ máy kế toán khi cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng chưa đầy đủ, kịp thời và phù hợp, do đó không đáp ứng tốt vai trò cung cấp thông tin của mình.

Xuất phát từ thực tiễn đó, tác giả thực hiện phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức HTTTKT tại các doanh nghiệp du lịch, từ đó có cơ sở cho những nghiên cứu thực nghiệm nhằm đánh giá các nhân tố tác động đến chất lượng HTTTKT tại các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu:

2.1. Hệ thống thông tin kế toán

Hệ thống thông tin kế toán là hệ thống thông tin, thu thập, ghi nhận, xử lý dữ liệu và cung cấp thông tin tài chính, kế toán và thông tin phi tài chính cho các đối tượng sử dụng thông tin cho việc ra quyết định, cũng như các bên liên quan khác (Romney và Steinbart, 2015). HTTTKT là một tập hợp các nguồn lực bao gồm: con người và thiết bị, được thiết kế để chuyển đổi dữ liệu tài chính và dữ liệu khác thành thông tin. Một hệ thống thông tin phụ thuộc vào nguồn lực của con người phần cứng, phần mềm, dữ liệu và mạng (O'Brien và Marakas, 2008). Từ các quan điểm trên cho thấy HTTTKT là sự kết hợp giữa con người, trang thiết bị phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng để có thể thu thập, xử lý, lưu trữ và

cung cấp thông tin cả tài chính và phi tài chính cho các đối tượng sử dụng mà không phân biệt bên trong hay bên ngoài doanh nghiệp.

HTTKT bao gồm các thành phần: người vận hành hệ thống; quy trình, thủ tục trong thu thập, xử lý, lưu trữ thông tin; dữ liệu về tổ chức và quá trình xử lý; Phần mềm xử lý dữ liệu; trang thiết bị công nghệ; và kiểm soát nội bộ và an toàn tài liệu (Bodnar và Hopwood, 2001)

2.2. Chất lượng hệ thống thông tin kế toán

Thông tin được định nghĩa là một tập hợp các dữ kiện đã được sắp xếp và xử lý để cung cấp ý nghĩa cho một người dùng. Thông tin hữu ích trong hoạt động ra quyết định (Gelinas và Dull, 2008). Theo Romney và Steinbart (2006) lợi ích của thông tin có thể bao gồm: giảm sự không chắc chắn, cải thiện các quyết định và cải thiện khả năng lập kế hoạch và lịch trình các hoạt động.

Thông tin kế toán là thông tin kinh tế - liên quan đến các hoạt động kinh tế tài chính của tổ chức kinh doanh. Các đặc điểm mức độ liên quan, độ tin cậy, tính đầy đủ, kịp thời, dễ hiểu và khả năng kiểm chứng khiến thông tin trở nên hữu ích (Romney và Steinbart, 2006). Theo Hall (2008) thì thông tin hữu ích có các đặc điểm: tính liên quan, tính kịp thời, tính chính xác, tính đầy đủ và tính tóm tắt. Theo FASB chất lượng thông tin kế toán bao gồm: thích hợp và đáng tin cậy; nhất quán và có thể so sánh được, còn theo IASB chất lượng thông tin kế toán được thể hiện qua: có thể hiểu được, thích hợp, đáng tin cậy và có thể so sánh được. Dự án hội tụ IASB và FASB đã xác định chất lượng thông tin kế toán gồm có các đặc điểm: thích hợp, trung thực, có thể so sánh, có thể kiểm chứng, kịp thời và có thể hiểu được. Theo luật kế toán số 88/2015/QH13 và chuẩn mực kế toán số 1, những thuộc tính của chất lượng thông tin kế toán là trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp thời, có thể so sánh và kiểm chứng được.

Theo Grande và cộng sự (2011), HTTKT là công cụ ứng dụng công nghệ thông tin để giúp đỡ việc quản lý và kiểm soát các vấn đề liên quan đến kinh tế - tài chính của doanh nghiệp. HTTKT là thành phần chính của hệ thống thông tin DN, vì nó là hệ thống duy nhất có thể cung cấp thông tin tổng thể của DN cho cả người dùng nội bộ và bên ngoài (Mihalache, 2011). Hall (2011) cho rằng, mục đích cơ bản của HTTKT là cung cấp thông tin kế toán cho các bên có liên quan, HTTKT hiệu quả sẽ nâng cao chất lượng báo cáo tài chính kế toán (Sajady và cộng sự, 2008) và chất lượng thông tin nghèo nàn có thể có tác động xấu đến việc ra quyết định (Huang, Lee và Wang 1999).

Từ những nghiên cứu trên có thể thấy rằng chất lượng của HTTKT được thể hiện qua chất lượng thông tin kế toán được cung cấp từ hệ thống và thông tin này phải đảm bảo được các đặc điểm như: thích hợp, chính xác, trung thực, có thể so sánh, có thể kiểm chứng, kịp thời và có thể hiểu được.

Ngoài ra một chất lượng của hệ thống thông tin kế toán còn được đánh giá qua các tiêu chí như: hệ thống linh hoạt, hữu hiệu, dễ truy cập và kịp thời Romney và các cộng sự (2012). Nghiên cứu của Anggadini (2015) cho rằng, chất lượng HTTKT dựa trên tính linh hoạt; hiệu quả và khả năng tiếp cận. Ngoài ra các thủ tục kiểm soát của hệ thống kiểm soát nội bộ đảm bảo chất lượng dữ liệu đầu vào; nâng cao tính chính xác của quá trình xử lý dữ liệu; đảm bảo trang thiết bị phù hợp của quá trình phát triển hệ thống, qua đó đảm bảo chất lượng HTTKT (Saer va, Olui, 2013)

2.3. Mô hình nghiên cứu

Để đề xuất mô hình và thực hiện nghiên cứu phù hợp đến các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng HTTKT của các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, nghiên cứu đã dựa trên xu hướng nhìn nhận về sự phù hợp của HTTKT, chất lượng và hiệu quả của HTTKT... đã thực hiện trong và ngoài nước :

Nghiên cứu của Wang và Strong (1996) đã đưa ra khuôn mẫu khái niệm về chất lượng của dữ liệu với 4 loại và 16 thuộc tính bao gồm: Chính xác, khách quan, đáng tin cậy, uy tín, khả năng truy cập, bảo mật, thuận tiện, sự thích hợp, giá trị gia tăng, kịp thời, đầy đủ, số lượng thông tin, có thể hiểu được, dễ hiểu, trình bày súc tích, trình bày nhất quán. Noor Azizi Ismail và cộng sự (2007) đã đưa ra cách nhìn nhận về sự phù hợp của HTTKT và gợi ý một số các nhân tố ảnh hưởng tới sự phù hợp của hệ thống này. Kết quả nghiên cứu đã phát hiện ra sự phù hợp của HTTKT có liên quan tới mức độ phức tạp của CNTT, mức độ kiến thức của nhà quản trị về CNTT và kế toán, sử dụng sự tư vấn từ những cơ quan chính phủ, các doanh nghiệp kế toán và nhân viên CNTT tại doanh nghiệp. Theo nghiên cứu của Rapina (2014) cho thấy những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng của HTTKT bao gồm: hệ thống kỹ thuật (phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và các thủ tục) và các hệ thống, quy trình bao gồm con người và sự quan tâm của nhà quản lý đối với HTTKT. Al-Ibbini (2017) đưa ra quan điểm của mình về các biến đo lường chất lượng HTTKT có 7 thang đo bao gồm: Sự chính xác, Khả năng kiểm toán, Sự phù hợp, Tính bảo mật, Tính kịp thời, Tính linh hoạt và Sự hài lòng của người sử dụng. Zulaikha (2019), trong nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc triển khai hệ thống thông tin kế toán và kết quả của nó đối với chất lượng thông tin cho người sử dụng sử dụng tại các MSME ở Thành phố Semarang. Kết quả cho thấy có ảnh hưởng tích cực và đáng kể giữa kiến thức của người quản lý và cam kết của người quản lý đối với việc triển khai hệ thống thông tin kế toán. Do đó, việc triển khai ảnh hưởng đến chất lượng của thông tin kế toán cho các MSME

Trong nước, một số nghiên cứu đã được thực hiện nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến Chất lượng HTTKT như: Nguyễn Thành Hưng (2017) với nghiên cứu Tổ chức hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp Viễn thông Việt Nam đã đưa ra mô hình với 5 nhân tố ảnh hưởng tới tổ chức HTTKTQT chi phí, kết quả nghiên cứu cho thấy có 3 nhân tố tác động đến tổ chức HTTKTQT là: Tầm nhìn và cam kết của nhà quản trị (0,387); Nguồn nhân lực kế toán (0,148); Chất lượng dữ liệu đầu vào của hệ thống (0,443). Nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Thủy và cộng sự (2018) về việc xác định và đo lường mức độ tác động của các nhân tố đến tổ chức công tác kế toán tại các DNNVV khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, đã chỉ ra có 8 nhân tố tác động đến tổ chức công tác kế toán tại các DNNVV tại khu vực ĐBSCL: Khung pháp lý về kế toán (0,821); đối tượng sử dụng thông tin kế toán (0,788); quan tâm của chủ doanh nghiệp (0,899); hệ thống kiểm soát nội bộ (0,762); năng lực nhân viên kế toán (0,856); ứng dụng công nghệ thông tin (0,735); quy mô doanh nghiệp (0,809); các dịch vụ tài chính kế toán (0,893). Nguyễn Phước Bảo Ân (2018), nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự thành công của hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp Việt Nam, cho thấy Sự thành công của hệ thống thông tin kế toán chịu ảnh hưởng lớn từ nhận thức của người kế toán về tính hữu ích, tính dễ sử dụng của hệ thống thông tin và việc sử dụng thực tế hệ thống thông tin kế toán; tính chất người dùng, tính chất dự án và sự hỗ trợ của nhà quản lý tác động đến sự thành công của HTTKT thông qua vai trò truyền dẫn của nhận thức và sử dụng thực tế. Nghiên cứu Đồng Quang Chung và cộng sự (2020), nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng HTTKT trong

các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại tỉnh Bình Dương, nghiên cứu đã xác định và cho thấy có 5 nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng HTTTKT trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Bình Dương, gồm: Sự hỗ trợ của nhà quản lý (0,185); Mục tiêu hoạt động (0,199); Mục tiêu báo cáo (0,117); Mục tiêu tuân thủ (0,155); và Hiệu quả phần mềm và các trình ứng dụng kế toán (0,176).

Tổng hợp từ những nghiên cứu đã thực hiện trong và ngoài nước, tác giả nhận thấy có nhiều nhân tố ảnh hưởng chất lượng HTTTKT tại các DN và mức độ tác động của các nhân tố cũng khác nhau. Ngoài ra, chưa có nghiên cứu nào nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng HTTTKT trong doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Trên cơ sở lấy ý kiến chuyên gia am hiểu, có kinh nghiệm về lĩnh vực kế toán kiểm toán, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu gồm các nhân tố ảnh hưởng và giả thuyết nghiên cứu như sau:

Chất lượng HTTTKT: Mục đích của HTTTKT là thu thập, xử lý, lưu trữ và cung cấp thông tin kế toán cho các đối tượng sử dụng, chất lượng của hệ thống thông tin được thể hiện qua chất lượng của thông tin kế toán cung cấp, vì vậy tác giả đề xuất các tiêu chuẩn chất lượng thông tin do HTTTKT cung cấp sẽ là tiêu chuẩn để đo lường chất lượng của HTTTKT. Do đó, những tiêu chí để đo lường chất lượng HTTTKT bao gồm: Tính thích hợp, Tính kịp thời, Tính đầy đủ, Có thể so sánh, có thể hiểu được của thông tin cung cấp.

Sự hỗ trợ của nhà quản trị cấp cao: Theo O'Brien (2009), một trong những yếu tố quyết định sự thành công của việc triển khai HTTTKT là cam kết của ban giám đốc. Cam kết quản lý là một yếu tố quan trọng trong việc thực hiện hệ thống thông tin và tính nhất quán của hỗ trợ sẽ tạo điều kiện cho việc sử dụng các nguồn lực cần thiết cho các hoạt động kết nối (Watson et al, 2001). Sự hỗ trợ của nhà quản trị cấp cao là sự tham gia của nhà quản trị vào hệ thống với chức năng là cung cấp những điều kiện cần thiết, bao gồm: Các chính sách, sự hướng dẫn cho việc tổ chức HTTTKT, Sự cam kết cung cấp nguồn lực con người, nguồn lực vật chất để đạt được mục tiêu của hệ thống.

Giả thuyết H1: *Sự hỗ trợ của nhà quản trị cấp cao có ảnh hưởng đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán.*

Kiến thức nhà quản trị: Nhà quản trị đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng, vận hành và phát triển hệ thống thông tin kế toán. Kiến thức của nguồn nhân lực, đặc biệt là nhà quản trị rất quan trọng trong việc đạt được thành công của việc trang bị hệ thống thông tin trong doanh nghiệp (Daoud, H & Triki, M, 2013). Sự kết hợp giữa kiến thức của người dùng và kiến thức chuyên môn của người quản lý dẫn đến các giải pháp tốt hơn, những nhà quản lý biết cách làm việc với tình hình của hệ thống thông tin tổ chức sẽ thành công hơn những nhà quản lý ít kỹ năng hơn trong việc triển khai hệ thống thông tin (Laudon, K.C. & Laudon, J.P, 2012). Kiến thức nhà quản trị là sự hiểu biết của nhà quản trị về các lĩnh vực kế toán, CNTT, vận hành và phát triển HTTTKT nhằm cung cấp các thông tin hữu ích cho các đối tượng sử dụng.

Giả thuyết H2: *Kiến thức nhà quản trị có ảnh hưởng đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán*

Mức độ trang bị CNTT: được xem là nhân tố đặc thù trong nghiên cứu, hiện tại khi tổ chức HTTTKT các DN luôn chú trọng công tác trang bị CNTT gồm cả hệ thống máy tính, mạng, an ninh và các phần mềm xử lý kế toán nhằm đáp ứng nhu cầu xử lý dữ liệu ngày càng tăng, đảm bảo tính chính xác kịp thời cho việc ra quyết định của các đối tượng sử dụng. phần mềm kế toán được xem là đảm bảo chất lượng khi nó thỏa mãn những quy định về tiêu chuẩn của một phần mềm kế toán (ICAEW, 2011). Tại Việt Nam, tiêu chuẩn về phần

mềm kế toán được Bộ Tài chính quy định tại Thông tư 103/2005 (PL 3.10) và cũng là căn cứ giúp tác giả xây dựng thang đo cho biến mức độ trang bị CNTT

Giả thuyết H3: *Mức độ trang bị CNTT có ảnh hưởng đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán*

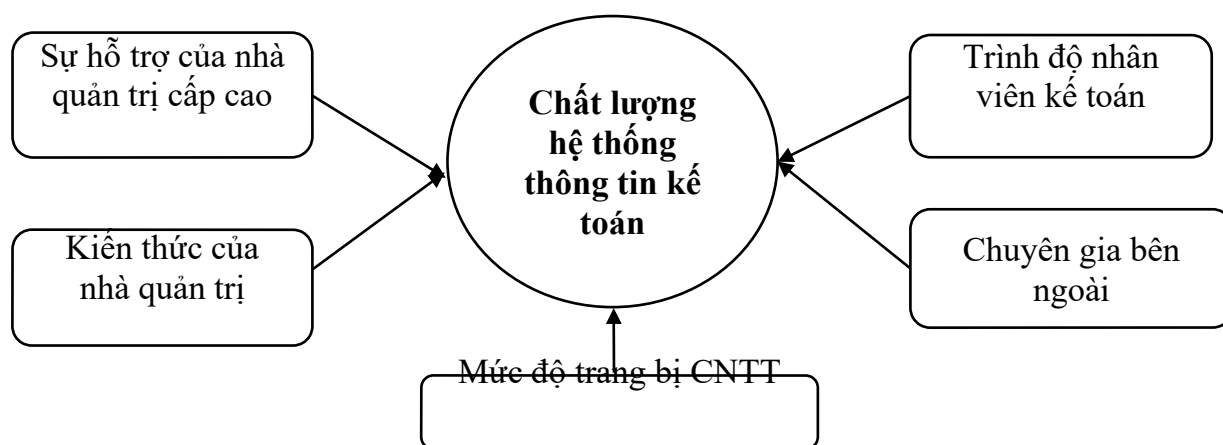
Trình độ nhân viên kế toán: Theo Hongjiang Xu (2003) là một nhóm các yếu tố có liên quan đến kỹ năng, kiến thức của nhân viên trong lĩnh vực kỹ thuật và kinh doanh cho phép họ hoàn thành trách nhiệm về công việc Kế toán của mình. Theo Barney và Wright (1998), nguồn nhân lực có nhiều khả năng là nguồn gốc duy trì lợi thế cạnh tranh của tổ chức. Nhân viên kế toán là những người thu thập, kiểm tra; ghi chép, xử lý các dữ liệu kế toán; phân tích và cung cấp thông tin hữu ích cho người sử dụng. Do vậy, nhân viên kế toán cần phải đảm bảo về kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp để đảm bảo thực hiện tốt nhất công việc đảm nhận

Giả thuyết H4: *Trình độ nhân viên kế toán có ảnh hưởng đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán*

Chuyên gia bên ngoài: đó là chuyên gia kế toán, kiểm toán, thuế; chuyên gia về phân tích, thiết kế hệ thống; chuyên gia giải pháp công nghệ thông tin; cơ quan quản lý nhà nước về kế toán ... đây là những người có hiểu biết chuyên sâu về lĩnh vực kế toán, kiểm toán, thuế, hệ thống thông tin, họ có thể cung cấp những giải pháp, sự tư vấn để có thể giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành, phát triển HTTTKT để từ đó nâng cao chất lượng HTTTKT trong doanh nghiệp.

Giả thuyết H5: *Chuyên gia bên ngoài có ảnh hưởng đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán*

Mô hình nghiên cứu đề xuất:



Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này đã sử dụng thang đo Likert cho điểm từ 1 đến 5 để đo lường các biến quan sát. Số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo tài chính của các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, ý kiến chuyên gia và những nguồn cơ sở dữ liệu có liên quan.

Dữ liệu của nghiên cứu được thu thập theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện trong thời gian từ 01/06 đến tháng 30/06/2023. Tác giả sử dụng phương pháp định lượng với bảng khảo sát, lấy mẫu thuận tiện với cỡ mẫu 200. Qua quá trình khảo sát, số phiếu thu về sau khi qua gạn lọc, có 218 phiếu khảo sát hợp lệ, có thể sử dụng để phân tích trong nghiên cứu. Đối tượng là các doanh nghiệp du lịch tại Khánh Hòa để kiểm định mô hình và các giả

thuyết nghiên cứu. Sau đó dữ liệu được mã hóa và làm sạch bằng phần mềm SPSS 20.0. Dữ liệu thu thập từ các đối tượng khảo sát được sử dụng để đánh giá thang đo bằng công cụ phân tích Sự tin cậy (Reliability Analysis) thông qua hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis), phân tích hệ số Tương quan (Coefficient of correlation), và phân tích Hồi quy (Regression Analysis).

4. Kết quả nghiên cứu

4.1 Kết quả phân tích Sự tin cậy Cronbach's Alpha

Kết quả kiểm định mô hình cho thấy hệ số Cronbach Alpha của các thang đo đều có Sự tin cậy tốt, cả 6 biến quan sát đều có giá trị Cronbach Alpha thấp nhất là 0,8139 – chứng tỏ thang đo lường tốt. Hệ số (Cronbach Alpha nếu loại biến) Cronbach Alpha if Item Deleted đều lớn hơn 0,3; đồng thời hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item-Total Correlation) đều lớn hơn 0,6. Do vậy các biến quan sát đủ điều kiện và được sử dụng trong các bước nghiên cứu tiếp theo.

Bảng 1. Đánh giá Sự tin cậy của các thang đo bằng hệ số Cronbach Alpha

Thành phần	Cronbach's Alpha
Sự hỗ trợ của nhà quản trị cấp cao (HT)	0,884
Trình độ nhân viên kế toán (TD)	0,942
Mức độ trang bị CNTT (CN)	0,909
Kiến thức nhà quản trị (KT)	0,902
Chuyên gia bên ngoài (CG)	0,813
Chất lượng hệ thống thông tin kế toán (CL)	0,905

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu trên SPSS 20.0 của tác giả)

4.2 Phân tích nhân tố khám phá EFA

Sau khi phân tích nhân tố khám phá các biến quan sát của những biến độc lập nhằm kiểm định tính phân biệt và tính hội tụ của các biến này trong các thang đo nhằm loại bỏ các biến quan sát không thỏa điều kiện (có hệ số tải nhân tố - factor loading < 0,5). Kết quả kiểm định KMO là 0,777 (thỏa điều kiện $0,5 < KMO < 1$) nên phương pháp phân tích nhân tố được áp dụng là phù hợp và trị số Sig. của kiểm định Barletts là $0,000 < 0,05$ cho thấy các biến quan sát này có mối tương quan trong tổng thể với nhau và bộ số liệu này thích hợp để thực hiện phân tích nhân tố khám phá.

Bảng 2. Phân tích nhân tố khám phá EFA các biến độc lập

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	6,568	32,839	32,839	6,568	32,839	32,839	6,568	32,839	32,839
2	3,019	15,097	47,935	3,019	15,097	47,935	3,019	15,097	47,935
3	2,575	12,876	60,811	2,575	12,876	60,811	2,575	12,876	60,811
4	1,949	9,747	70,559	1,949	9,747	70,559	1,949	9,747	70,559
5	1,502	7,512	78,071	1,502	7,512	78,071	1,502	7,512	78,071
6	0,848	4,238	82,309						

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu trên SPSS 20.0 của tác giả)

Kết quả tại bảng 2 cho thấy, giá trị Tổng phương sai trích = 78,071% > 50%: đạt yêu cầu, khi đó có thể nói rằng 1 nhân tố này giải thích 78,071% biến thiên của dữ liệu.

Đồng thời tác giả sử dụng phương pháp Varimax Procedure để xoay nhân tố, kết quả cho thấy trong 20 biến quan sát độc lập, các biến đều được sắp xếp theo từng nhóm quy định ban đầu, và không loại bỏ bất kỳ biến quan sát nào. Kết quả này sẽ được sử dụng cho các nghiên cứu tiếp theo của nghiên cứu.

Bảng 3. Phân tích nhân tố khám phá EFA biến phụ thuộc

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	3,124	78,111	78,111	3,124	78,111	78,111
2	0,418	10,440	88,551			

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu trên SPSS 20.0 của tác giả)

Đối với biến phụ thuộc “Chất lượng HTTTKT” của các doanh nghiệp du lịch tại Khánh Hòa có 4 nhân tố (CL1, CL2, CL3, CL4) được phân nhóm thành một nhân tố duy nhất với hệ số KMO = 0,784 > 0,5, chứng minh dữ liệu là phù hợp. Bartlett’s Test có ý nghĩa thống kê sig.=0,000 (Sig. < 0,05) nên các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể. Đồng thời theo kết quả bảng 03 cho thấy tổng phương sai trích đạt 78,111% > 50%, điều này cho thấy biến quan sát ban đầu thỏa mãn điều kiện. Do đó thang đo vẫn được sử dụng cho các phân tích tiếp theo bao gồm 5 biến độc lập: (HT) Sự hỗ trợ của nhà Quản trị cấp cao, (TD) Trình độ nhân viên kế toán, (CN) Mức độ trang bị công nghệ thông tin, (KT) Kiến thức nhà quản trị, (CG) Chuyên gia bên ngoài; và biến phụ thuộc (CL) Chất lượng hệ thống thông tin kế toán.

4.3 Kết quả phân tích hồi quy

Sau khi phân tích EFA, cả 5 nhân tố đều thỏa mãn điều kiện và được sử dụng vào nghiên cứu tiếp theo, phân tích hồi quy tuyến tính

Bảng 4: Kết quả phân tích hồi quy

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	0,814 ^a	0,663	0,649	0,59268816	2,177

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu trên SPSS 20.0 của tác giả)

Kết quả phân tích ở bảng 4 chỉ ra rằng: mô hình có hệ số tương quan R = 0,814 cho thấy mối quan hệ giữa các biến là rất chặt chẽ. Với hệ số xác định R² hiệu chỉnh = 0,649 nói lên 64,9% sự biến thiên của nhân tố phụ thuộc được giải thích bởi 5 nhân tố độc lập trong mô hình. Điều này cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính này phù hợp với tập dữ liệu của mẫu ở mức 64,9%, tức là các biến độc lập giải thích được 64,9% biến thiên của biến phụ thuộc. Mặt khác, hệ số Durbin-Watson là 2,117 nằm trong khoảng từ 1 đến 3, cho nên mô hình không có tương quan (hay các biến độc lập không có tương quan với nhau)

Bảng 5. Phân tích ANOVA trong hồi quy

ANOVA ^a						
Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	84,144	5	16,829	47,907	0,000 ^b
	Residual	42,856	122	0,351		
	Total	127,000	127			

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu trên SPSS 20.0 của tác giả)

Kết quả phân tích ANOVA kiểm định giả thuyết về độ phù hợp với tổng thể của mô hình cho thấy: giá trị $F = 47,907$ và mức ý nghĩa $\text{Sig.} < 0,05$, chứng tỏ R bình phương của tổng thể khác 0. Do đó, các biến độc lập có tác động đến biến phụ thuộc, đồng nghĩa với việc mô hình hồi quy tuyến tính xây dựng được là phù hợp với tổng thể. Như vậy, kết quả của dữ liệu thu thập được giải thích khá tốt cho mô hình.

Tiếp theo, tác giả sử dụng phương pháp Enter kiểm tra kết quả hồi quy, được tiến hành với 5 yếu tố độc lập gồm: (1) Sự hỗ trợ của nhà Quản trị cấp cao, (2) Trình độ nhân viên kế toán, (3) Mức độ trang bị CNTT, phần cứng trong hệ thống, (4) Kiến thức nhà quản trị, (5) Chuyên gia bên ngoài.

Bảng 6. Kết quả hồi quy sử dụng phương pháp Enter

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	-3,747E-017	0,052		0,000	1,000		
	F_HT	0,291	0,053	0,291	5,534	0,000	1,000	1,000
	F_CN	0,146	0,053	0,146	2,776	0,006	1,000	1,000
	F_TD	0,172	0,053	0,172	3,268	0,001	1,000	1,000
	F_KT	0,072	0,053	0,072	1,360	0,176	1,000	1,000
	F_CG	0,722	0,053	0,722	13,736	0,000	1,000	1,000

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu trên SPSS 20.0 của tác giả)

Kết quả trong bảng 6 cho thấy hệ số phóng đại phương sai (Variance inflation factor – VIF) đều < 2 , chứng tỏ mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập. Với mức ý nghĩa $\text{Sig.} > 0,05$, có một biến không đủ điều kiện là KT_Kiến thức nhà quản trị với hệ số $\text{Sig.} = 0,176$ ($> 0,05$), nên biến độc lập này bị loại khỏi mô hình nghiên cứu ban đầu. Như vậy, mô hình nghiên cứu còn lại 4 nhân tố được sắp xếp theo thứ tự giảm dần như sau: “CG-Chuyên gia bên ngoài” có tác động lớn nhất, với hệ số Beta chuẩn hóa là 0,722. Tác động xếp vị trí thứ 2 là “HT- Sự hỗ trợ của nhà Quản trị cấp cao” với hệ số Beta là 0,291; kế đến là nhân tố thứ 3 “TD-Trình độ nhân viên kế toán” với hệ số Beta chuẩn hóa là 0,172. Và yếu tố tác động sau cùng là “CN-Mức độ trang bị CNTT” với hệ số Beta chuẩn hóa là 0,146.

Phương trình hồi quy đa biến có dạng:

$$CL = 0,722 * CG + 0,291 * HT + 0,172 * TD + 0,146 * CN.$$

Kết quả cho thấy có 4 biến Chuyên gia bên ngoài, Sự hỗ trợ của nhà Quản trị cấp cao, Trình độ nhân viên kế toán, và Mức độ trang bị CNTT có ảnh hưởng mang ý nghĩa thống kê đến biến phụ thuộc Chất lượng hệ thống thông tin tại các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

5. Hàm ý chính sách

Từ kết quả nghiên cứu được phân tích ở trên, tác giả đưa ra được một số kiến nghị nhằm nâng cao Chất lượng hệ thống thông tin tại các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa như sau:

5.1. Chuyên gia bên ngoài

Chuyên gia bên ngoài doanh nghiệp là những nhà am hiểu sâu về lĩnh vực kế toán, kiểm toán, là những người đáng tin cậy có thể tư vấn cho doanh nghiệp những giải pháp, cách thức giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Từ đó hỗ trợ Doanh nghiệp chủ động xây dựng chiến lược phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên trong quá trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho nhà quản trị trong đơn vị. Vì vậy Doanh nghiệp cần giữ mối quan hệ với các chuyên gia bên ngoài như các cơ quan quản lý Nhà nước về kế toán, các chuyên gia phân tích, thiết kế hệ thống, công nghệ thông tin, chuyên gia về kế toán kiểm toán... để được hỗ trợ và tư vấn trong quá trình vận hành bộ máy kế toán tại đơn vị, đảm bảo nâng cao về chất lượng HTTKT tại đơn vị ngày một tốt hơn.

5.2. Sự hỗ trợ của nhà Quản trị cấp cao

Các nhà quản trị, đặc biệt là nhà quản trị cấp cao cần phải có sự quan tâm nhiều hơn nữa đến vai trò của HTTKT tại đơn vị, một HTTKT chất lượng, đảm bảo độ tin cậy thì sẽ giúp cho nhà quản trị cấp cao đưa ra được các quyết định chiến lược kinh doanh đúng đắn. Do vậy, nhà quản trị cần tổ chức HTTKT khoa học và hợp lý hơn, để HTTKT có thể trở thành một công cụ cung cấp thông tin tin cậy, quan trọng đối với nhà quản trị và có ý nghĩa với việc ra quyết định kinh doanh.

Cần hoàn thiện cơ chế tổ chức quản lý dựa trên quy mô, điều kiện, cơ chế quản lý tài chính và đặc điểm hoạt động của DN. Xác định rõ mối quan hệ giữa các bộ phận có liên quan đến bộ phận kế toán tại DN, gắn liền trách nhiệm của nhà quản trị với hiệu quả hoạt động của các bộ phận. Đồng thời thường xuyên kiểm tra, rà soát lại dữ liệu kế toán nhằm đảm bảo hạch toán chính xác, đầy đủ, cung cấp thông tin kịp thời cho nhà quản trị.

Nhà quản trị cấp cao cần quan tâm đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên trực tiếp vận hành HTTKT tại đơn vị. Đào tạo và bồi dưỡng các nhân viên kế toán theo hướng có kiến thức chuyên sâu am hiểu nghiệp vụ kế toán đặc thù của công ty; có kiến thức về các chuyên ngành liên quan như kế toán, kiểm toán, quản trị tài chính... có kỹ năng lập và trình bày các báo cáo đặc thù. Các nhà quản trị cần phát triển hệ thống phần mềm ERP và sử dụng có hiệu quả hơn nữa phần mềm này, từ đó, sẽ cung cấp được các thông tin đáng tin cậy hơn, kịp thời hơn cho nhà quản trị.

5.3. Trình độ nhân viên kế toán

Việc đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức chuyên môn là điều vô cùng cần thiết, do vậy, các công ty cần chú trọng đào tạo đội ngũ nhân viên kế toán chuyên nghiệp và lành nghề, am hiểu về phần mềm kế toán, về thuế và luật kế toán...đồng thời chú trọng đến việc quy định các quyền hạn phù hợp, trách nhiệm của kế toán cũng như chế tài nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm quy định liên quan đến kế toán, đến đạo đức nghề nghiệp. Cần cập nhật liên tục các kiến thức, chính sách-chế độ-chuẩn mực kế toán, chú trọng huấn luyện, hướng dẫn nhân viên kế toán sử dụng thành thạo các phần mềm kế toán và các phần mềm tin học văn phòng.

5.4. Mức độ trang bị Công nghệ thông tin

Với sự phát triển mạnh mẽ về khoa học và công nghệ như hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt đối với hoạt động kế toán được xem là hiển nhiên trong rất nhiều doanh nghiệp, vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng HTTKT tại đơn vị. Do vậy, hầu hết các doanh nghiệp hiện nay đã và đang trang bị cho mình phần mềm kế toán chuyên nghiệp như MISA, SAP, LinkQ, Fast Accounting...để có thể hỗ trợ tốt nhất- hiệu quả, tiết kiệm thời gian và chi phí cho doanh

ngành về báo cáo tài chính, báo cáo chi tiết theo quy định hiện hành của kế toán doanh nghiệp. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần có kế hoạch đào tạo cho nhân viên làm công tác tài chính-kế toán sử dụng thành thạo và áp dụng tin học hóa trong công tác quản lý tài chính để có thể bắt kịp xu hướng công nghệ thông tin hóa toàn cầu, đáp ứng được nhu cầu công việc của xã hội hiện đại.

Tuy nhiên, với sự xuất hiện của rất nhiều phần mềm kế toán trên thị trường Việt Nam hiện nay, việc tồn tại nhiều nhà cung cấp phần mềm kế toán như vậy ngoài việc tạo điều kiện cho doanh nghiệp dễ chọn lựa cho đơn vị mình phần mềm phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và điều kiện của đơn vị, thì nó cũng có những mặt bất lợi, ảnh hưởng không tốt đến chất lượng của HTTKT. Nhiều phần mềm kế toán chất lượng chưa đảm bảo theo đúng quy định của Bộ tài chính, hệ thống cập nhật chính sách, chế độ, chuẩn mực kế toán không tốt... sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng thông tin trên BCTC. Chính vì vậy, doanh nghiệp cần lựa chọn cho mình phần mềm kế toán đã được kiểm định chất lượng, tìm hiểu kỹ thông tin và uy tín của đơn vị cung cấp phần mềm kế toán.

6. Kết luận

Tỉnh Khánh Hòa với lợi thế về cảnh quan thiên nhiên biển đảo, điều kiện thời tiết và các sản phẩm du lịch đặc sắc, đa dạng phong phú đã thu hút du khách trong và ngoài nước. Du lịch đã trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế tỉnh Khánh Hòa. Tuy nhiên, trước tác động của dịch Covid-19 ảnh hưởng đến hoạt động du lịch của Tỉnh, và các xu hướng du lịch mới của du khách, cùng với đó là sự đầu tư phát triển du lịch của các địa phương khác trong nước và khu vực ngày càng nhiều hơn. Do vậy việc nghiên cứu đánh giá về các nhân tố tác động đến quyết định lựa chọn sản phẩm du lịch của du khách là vô cùng cần thiết và mang tính thực tiễn cao.

Nghiên cứu đã tổng hợp lý thuyết nghiên cứu về quyết định lựa chọn sản phẩm du lịch, đề xuất mô hình nghiên cứu và tiến hành khảo sát để xác định những nhân ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn sản phẩm du lịch tỉnh Khánh Hòa giai đoạn hậu Covid-19, và mức độ tác động của các nhân tố. Từ kết quả nghiên cứu đã cung cấp thêm cơ sở khoa học cho các cấp quản lý, các nhà quản trị cũng như hàm ý chính sách để nâng cao mức độ lựa chọn của du khách đối với sản phẩm du lịch của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn hậu Covid-19.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

Đoàn Thị Chuyên. (2020). Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập khu vực Đông Nam Bộ, Tạp chí công thương;

Đông Quang Chung và cộng sự. (2020). Nghiên cứu Nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại tỉnh Bình Dương, Tạp chí công thương;

Nguyễn Đình Thọ. (2011). Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh. NXB Lao động- Xã hội;

Nguyễn Hoàng Dũng. (2017). Hoàn thiện tổ chức hệ thống thông tin kế toán quản trị trong các doanh nghiệp sản xuất xi măng Bắc miền Trung, Luận án tiến sỹ, Học viện Tài chính;

Nguyễn Phước Bảo Ân. (2018). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự thành công của hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp Việt Nam, Luận án Tiến sỹ, ĐH Kinh tế Tp Hồ Chí Minh;

Nguyễn Thành Hưng. (2017). “Tổ chức hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp Viễn thông Việt Nam”, Luận án tiến sỹ, Đại học Thương mại;

Nguyễn Thị Thanh Thủy và cộng sự. (2018). Nghiên cứu nhằm xác định và đo lường mức độ tác động của các nhân tố đến tổ chức công tác kế toán tại các DNNVV khu vực Đồng bằng sông cửu long, Tạp chí công thương;

Phạm Quốc Thuận. (2016). nghiên cứu các nhân tố tác động đến chất lượng thông tin trong báo cáo tài chính các doanh nghiệp Việt Nam, Luận án tiến sỹ, ĐH Kinh tế Tp Hồ Chí Minh.

Tiếng Anh

Alshbiel, S. O., & Al-Awaqleh, Q. A. (2011). Factors affecting the applicability of the computerized accounting system. *International Research Journal of Finance and Economics*, 64, 36-53;

Barney, J.B., Wright, P. M. (1998). On becoming a strategic partner: The role of human resources in gaining competitive advantage. *Human Resource management*, 37(1), 31-46;

Bodnar, G. H., & Hopwood, W. S. (2001). *Accounting Information Systems*;

Chalk, David N. (2008). *Management by Commitment*. Indiana: AuthorHouse;

Daoud, H & Triki, M. (2013). Accounting Information Systems in an ERP Environment and Tunisian Firm Performance. *The International Journal of Digital Accounting Research*. Volume 13. pp. 1-35;

Delone, W. H., & McLean, E. R. (2003). The DeLone and McLean model of information systems success: A ten-year update. *Journal of management information systems*, 19(4), 9-30;

Ismail, N. A. (2009). Factors influencing AIS effectiveness among manufacturing SMEs: Evidence from Malaysia. *The Electronic Journal of Information Systems in Developing Countries*, 38(1), 1-19;

Jong-Min Choe. (1996). “The relationships among performance of accounting information systems, influence factors, and evolution level of information systems”, *Journal of Management information systems*, Spring (1996), Vol.12, No.4, pp.215-239;

Laudon, K. C., & Laudon, J. P. (2012). *Sistemas de información gerencial*. Decimosegunda edición. Editorial Pearson, México;

Moeller, R.R. (2011). *COSO enterprise risk management: establishing effective governance, risk, and compliance processes*. 2nd Edition. John Wiley & Sons, Inc;

Noor Azizi Ismail và cộng sự. (2007). “Factors influencing the alignment of accounting information systems in small and medium sized Malaysian manufacturing firms”, *Journal of information Systems and Smaill Bussiness*, 2007, volume 1, no.1-2, pp 1-20;

Orran Ahmad Mohammad Al-Ibbini. (2017). “The critical success factors influencing the quality of accounting information systems and the expected performance”, *International Journal of Economics and Finance*, Vol. 9, No. 12, 2017;

Rapina, R. (2014). Factors Influencing The Quality of Accounting Information System And Its Implications on The Quality of Accounting Information. *Research Journal of Finance and Accounting*, 5(2);

Romney M. B & Steinbart P. J. (2015). *Accounting Information System*, 13th Edition. UK: Pearson Education, Inc;

Romney, M., Steinbart, P., Mula, J., McNamara, R, & Tonkin, T. (2012). *Accounting Information Systems Australasian Edition*. Pearson Higher Education AU;

Sri Dewi Anggadani (2014), “The effect of top management support and internal control of the accounting information systems quality and its implications on the accounting information quality”, *Proceedings of 2nd International Conference on Economics and Social Sceinces (ICESS-2014)*;

Stewart, G.L. & Brown, K.G. (2011). *Human Resource Management - Linking Strategy to Practice*. John Wiley & Sons, Inc;

Yukl, G. (2010). *Leadership in Organizations*. New Jersey-USA: Pearson Prentice Hal;

Zulaikha (2019). The Antecedents and Consequences of Accounting Information System Implementation: An Empirical Study on MSMEs in Semarang City, *Advances in Economics, Business and Management Research*, volume 102.